

Số: 1755/BGDĐT-GDTrH

Hướng dẫn ôn tập lớp 9 BTHCS và ôn tập
thi tốt nghiệp GDTrH cấp THPT năm học
2009-2010.

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2010

Kính gửi: - Các sở giáo dục và đào tạo
- Cục Nhà trường, Bộ Quốc phòng

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương chỉ đạo và tổ chức cho học viên Bổ túc THCS và Bổ túc THPT ôn tập các lớp cuối cấp năm học 2009-2010, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Đối với việc ôn tập chương trình lớp 9 Bổ túc THCS:

Bộ giao cho các sở giáo dục và đào tạo tổ chức hướng dẫn ôn tập cho học viên lớp cuối cấp Bổ túc THCS trên cơ sở sách giáo khoa và chương trình lớp 9 Bổ túc THCS ban hành theo Quyết định số 48/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 27/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với việc ôn tập chương trình GDTrH cấp THPT:

Nội dung ôn tập bao gồm toàn bộ chương trình GDTrH cấp THPT ban hành theo Quyết định số 50/2006/QĐ-BGDĐT ngày 7/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ yếu là chương trình lớp 12 và sách giáo khoa lớp 12 (theo chương trình chuẩn). Các sở giáo dục và đào tạo, Cục Nhà trường chỉ đạo các trung tâm giáo dục thường xuyên và các cơ sở giáo dục khác, trên cơ sở bám sát chuẩn kiến thức và kỹ năng đã quy định trong chương trình, tổ chức cho học viên ôn tập các môn học theo hướng dẫn cụ thể kèm theo công văn này.

3. Đối với các thí sinh đã hoàn thành chương trình Bổ túc THPT trước đây nhưng chưa tốt nghiệp, nay có nguyện vọng dự thi tốt nghiệp GDTrH cấp THPT thì tổ chức ôn tập các môn học theo nội dung hướng dẫn cụ thể kèm theo công văn này.

4. Để đảm bảo chất lượng dạy học bổ túc THPT, các sở GD&ĐT cần chỉ đạo các trung tâm GDTrH bố trí giáo viên có kinh nghiệm, kinh phí để tổ chức phụ đạo cho những học viên có học lực yếu, kém. Tùy tình hình thực tế, có thể tăng thời lượng ôn tập, luyện tập để cho các đối tượng này nắm vững được kiến thức cơ bản, chuẩn bị thi tốt nghiệp GDTrH cấp THPT đạt kết quả tốt.

5. Nhận được công văn này, Bộ yêu cầu các sở giáo dục và đào tạo chỉ đạo các trung tâm GDTrH nghiêm túc thực hiện, đảm bảo cho học viên được ôn tập, nắm vững những kiến thức và kỹ năng quy định trong chương trình. Đối với các môn Hoá học, Vật lý cần tập dượt cho học viên thành thạo với cách làm bài kiểm tra trắc nghiệm. Trong quá trình thực hiện có vấn đề gì vướng mắc, đề nghị báo cáo về Bộ (qua Vụ Giáo dục thường xuyên) để kịp thời giải quyết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Nguyễn Vinh Hiển (để báo cáo);
- Cục Khảo thí và KCĐCLGD (để phối hợp);
- Thanh tra Bộ, Vụ GDTrH (để phối hợp);
- Lưu VT, Vụ GDTrH.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**



Nguyễn Công Minh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP LỚP 12 GDTX CẤP THPT NĂM HỌC 2009 – 2010

(Kèm theo Công văn số 1755/BGDĐT-GDTX ngày 06 tháng 04 năm 2010
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

MÔN TOÁN

A. YÊU CẦU CHUNG

Học viên cần nắm vững chuẩn kiến thức, kỹ năng quy định trong Chương trình môn Toán Giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp trung học phổ thông (THPT) ban hành theo Quyết định số 50/2006/QĐ-BGDĐT ngày 7 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ yếu là lớp 12.

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

Để giúp học viên ôn tập đạt kết quả tốt, cần xác định rõ mục đích, yêu cầu và các biện pháp tiến hành ôn tập. Giáo viên giúp học viên đạt được các yêu cầu sau:

1. Về lý thuyết

Hiểu, nhớ được các khái niệm, định nghĩa, định lý và các công thức đã học (các kiến thức cần nhớ đã được ghi trong sách Bài tập giải tích và Bài tập hình học lớp 12 do Nhà xuất bản Giáo dục ấn hành năm 2009).

2. Về bài tập

Nắm vững cách giải các loại bài toán cơ bản của chương trình, cụ thể:

2.1. Giải tích

2.1.1. Ứng dụng đạo hàm để khảo sát và vẽ đồ thị của hàm số

1. Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị của ba hàm số đã học trong mục §5 của Chương I.

2. Các bài toán liên quan đến ứng dụng của đạo hàm và vẽ đồ thị hàm số: Chiều biến thiên, cực trị của hàm số, tiếp tuyến, tiệm cận của đồ thị hàm số.

3. Giải bất phương trình $f(x) > 0$, $f(x) < 0$, biện luận số nghiệm của phương trình $f(x) = m$ khi biết đồ thị của hàm số $y = f(x)$.

Giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số.

5. Vẽ đồ thị hàm số $y = |f(x)|$; $y = f(|x|)$ khi biết đồ thị của hàm số $y = f(x)$.

2.1.2. Hàm số lũy thừa, hàm số mũ và hàm số lôgarit

Hàm số lũy thừa, hàm số mũ, hàm số lôgarit.

Phương trình mũ, phương trình lôgarit

Bất phương trình mũ, bất phương trình lôgarit

2.1.3. Nguyên hàm – Tích phân và ứng dụng

Tìm nguyên hàm (dựa vào Bảng nguyên hàm, theo định nghĩa, phương pháp đổi biến số và phương pháp tính nguyên hàm từng phần), tính tích phân (theo định nghĩa, phương pháp đổi biến số và phương pháp tính tích phân từng phần)

Ứng dụng của tích phân trong hình học (tính diện tích hình phẳng, thể tích của khối tròn xoay).

2.1.4. Số phức

Xác định môđun của số phức

Các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số phức

Căn bậc hai của số thực âm

Giải phương trình bậc hai với hệ số thực trên tập số phức, chú ý trường hợp biệt thức Δ âm.

2.2. Hình học

2.2.1. Khối đa diện

Tính thể tích khối lăng trụ, khối chóp.

2.2. 2. Mặt nón, mặt trụ và mặt cầu

Tính diện tích xung quanh của hình nón tròn xoay, hình trụ tròn xoay, mặt cầu.

Tính thể tích khối nón tròn xoay và khối trụ tròn xoay, khối cầu.

2.2.3. Phương pháp tọa độ trong không gian

Bài toán xác định tọa độ điểm, tọa độ vectơ

Các bài toán về đường thẳng

Viết được phương trình tham số, chính tắc của một đường thẳng khi biết:

- Đường thẳng đi qua hai điểm.

- Đường thẳng đi qua một điểm và biết vectơ chỉ phương của nó.

- Đường thẳng là giao tuyến của hai mặt phẳng (quy về bài toán tìm một điểm và vectơ chỉ phương của đường thẳng đó).

- Chúng là đường vuông góc chung của hai đường thẳng chéo nhau.

Các bài toán về mặt phẳng

Viết được phương trình mặt phẳng khi biết:

- Một điểm và vectơ pháp tuyến.

- Một điểm và cặp vectơ chỉ phương.

- Ba điểm không thẳng hàng, cặp đường thẳng song song, một điểm và đường thẳng không chứa điểm ấy, hai đường thẳng cắt nhau.

- Một đường thẳng cho trước và một điều kiện đã cho.

Các bài toán về vị trí tương đối: giữa hai mặt phẳng, giữa đường thẳng và mặt phẳng, giữa hai đường thẳng.

Các bài toán về tính độ dài, góc.

Các bài toán về tính toán: khoảng cách (giữa hai điểm cho trước; từ một điểm đến một mặt phẳng; điểm đến một đường thẳng; giữa hai đường thẳng chéo nhau; giữa hai mặt phẳng song song; giữa mặt phẳng và đường thẳng song song với nó), góc (giữa hai đường thẳng; giữa hai vectơ). Các bài toán:

- Xác định giao điểm của đường thẳng và mặt phẳng.

- Tìm hình chiếu vuông góc của một điểm trên một đường thẳng, trên một mặt phẳng.

- Tìm điểm đối xứng của một điểm qua một đường thẳng, qua một mặt phẳng.

- Viết phương trình hình chiếu vuông góc của đường thẳng trên một mặt phẳng đã cho.

8. Các bài toán về mặt cầu: Viết phương trình mặt cầu biết tâm và bán kính, biết hai điểm đầu của đường kính, chúng đi qua bốn điểm không đồng phẳng, biết tâm và mặt phẳng tiếp diện.

Viết phương trình mặt phẳng tiếp diện, tìm tâm và bán kính mặt cầu khi biết phương trình mặt cầu. Xác định vị trí tương đối giữa mặt phẳng và mặt cầu (cắt nhau, tiếp xúc và không cắt nhau). Xác định tâm và bán kính của đường tròn là giao của mặt cầu và mặt phẳng.

MÔN SINH HỌC

A. YÊU CẦU CHUNG

- Cần ôn tập đầy đủ tất cả nội dung được quy định trong chương trình Sinh học lớp 12 GDTX cấp THPT, không học lệch, học tủ. Bên cạnh kiến thức lý thuyết có các bài tập vận dụng.

- Học viên nắm vững các kiến thức cơ bản

- Giáo viên cần chú ý ôn luyện cho học viên các kĩ năng làm trắc nghiệm

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

PHẦN V: DI TRUYỀN HỌC

Chương I: Cơ chế di truyền và biến dị

Gen, Mã di truyền và quá trình nhân đôi ADN, phiên mã và dịch mã (chú ý chỉ đề cập cơ chế phiên mã ở sinh vật nhân sơ), điều hoà hoạt động gen, đột biến gen, đột biến nhiễm sắc thể.

Bài tập chương I

Chương II: Tính quy luật của hiện tượng di truyền

- Các quy luật di truyền, trình bày được cơ sở tế bào học của quy luật phân li và quy luật phân li độc lập của Mendel. Di truyền liên kết hoàn toàn, thí nghiệm của Moocgan về di truyền liên kết không hoàn toàn và giải thích được cơ sở tế bào học của hoán vị gen (chú ý không làm bài tập về hoán vị gen). Nội dung cơ bản về di truyền liên kết với giới tính, di truyền ngoài nhân. Ảnh hưởng của môi trường lên sự biểu hiện của gen.

Bài tập chương II

Chương III: Di truyền học quần thể

Cấu trúc di truyền của quần thể. Xác định tần số tương đối các alen.

Chương IV: Ứng dụng di truyền học

Nguyên tắc và những ứng dụng của kĩ thuật di truyền trong chọn giống vi sinh vật, thực vật và động vật. Công nghệ tế bào ở thực vật, động vật.

Nguồn nguyên, vật liệu chọn giống và các phương pháp gây đột biến nhân tạo, lai giống.

Chương V: Di truyền học người

+ Di truyền y học, một số tật và bệnh di truyền ở người

+ Việc bảo vệ vốn gen của loài người liên quan tới một số vấn đề: Di truyền học với ung thư và bệnh AIDS, di truyền trí năng.

PHẦN VI: TIẾN HOÁ

Chương I: Bằng chứng và cơ chế tiến hoá

+ Các bằng chứng tiến hoá, Học thuyết Lamac và học thuyết Đacuyn, Học thuyết tiến hoá tổng hợp hiện đại. Quá trình hình thành đặc điểm thích nghi.

Chú ý: Không đề cập những hạn chế trong các luận điểm của Lamac và ảnh hưởng của chúng trong Sinh học.

+ Loài và quá trình hình thành loài. Tiến hoá lớn. Chú ý: Phần này không đề cập các hình thức chọn lọc, không đề cập sự tăng cường sức đề kháng của sâu bọ và vi khuẩn.

Chương II: Sự phát sinh và phát triển của sự sống trên Trái đất

- Nguồn gốc sự sống và sự phát triển của sinh giới qua các đại địa chất (chú ý chỉ cần nêu sơ lược sự phát triển của sinh vật qua các đại địa chất).

- Sự phát sinh loài người.

PHẦN VII: SINH THÁI HỌC

Chương I: Cá thể và quần thể sinh vật

Môi trường sống và các nhân tố sinh thái. Quần thể sinh vật. Biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật.

Chương II: Quần xã sinh vật

Quần xã, các đặc trưng cơ bản của quần xã. Mối quan hệ giữa các loài trong quần xã. Diễn thế sinh thái (khái niệm, nguyên nhân và các dạng) và ý nghĩa của diễn thế sinh thái.

Chương III: Hệ sinh thái, sinh quyển và bảo vệ môi trường

- Định nghĩa hệ sinh thái, trao đổi vật chất trong hệ sinh thái.

- Chu trình sinh địa hoá và sinh quyển. Dòng năng lượng trong hệ sinh thái và hiệu suất sinh thái.

Chú ý: Trong phần VII, không đi sâu vào một số nhóm sinh vật theo giới hạn sinh thái của các nhân tố vô sinh, không đi sâu vào quy luật khổng lồ chế sinh học.

MÔN NGỮ VĂN

YÊU CẦU CHUNG

Học viên cần nắm vững toàn bộ nội dung phần Văn học Việt nam và phần Văn học nước ngoài đã được quy định trong Chương trình giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông, ban hành theo quyết định số 50/2006/QĐ-BGDĐT ngày 7/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Học viên cần rèn luyện các kĩ năng làm văn như: kĩ năng dùng từ, kĩ năng viết câu, viết đoạn văn, kĩ năng nêu dẫn chứng và phân tích dẫn chứng... đã được học trong chương trình Làm văn; biết vận dụng khả năng đọc hiểu và kiến thức văn học để viết bài nghị luận văn học; biết vận dụng kiến thức xã hội và đời sống để viết bài nghị luận xã hội.

NỘI DUNG ÔN TẬP

PHẦN VĂN HỌC VIỆT NAM

Khái quát về văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX

- Tuyên ngôn độc lập và tác giả Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh

- Tây tiến – Quang Dũng

- Việt Bắc (trích) và tác giả Tố Hữu

- Đất nước (trích trường ca Mặt đường khát vọng) – Nguyễn Khoa Điềm

- Sóng – Xuân Quỳnh

- Người lái đò sông Đà – Nguyễn Tuân

- Ai đã đặt tên cho dòng sông? (trích) – Hoàng Phủ Ngọc Tường

- Vợ chồng A Phủ - Tô Hoài

- Vợ Nhặt – Kim Lân

- Rừng xà nu – Nguyễn Trung Thành

- Chiếc thuyền ngoài xa – Nguyễn Minh Châu

- Hồn Trương Ba, da hàng thịt (trích) – Lưu Quang Vũ

- Đối với giai đoạn văn học, học viên cần lưu ý những thành tựu văn học qua các thời kì phát triển và những đặc điểm chung của mỗi thời kì.

- Đối với những tác phẩm văn xuôi, học viên cần nắm rõ tên tác giả, tên tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, thể loại của tác phẩm; nhận biết được cốt truyện, đề tài, khuynh hướng tư tưởng, cảm hứng nghệ thuật, hệ thống nhân vật, giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

- Đối với những tác phẩm kí, học viên cần nắm được đề tài, chủ đề, cảm hứng thẩm mĩ, những giá trị về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

- Đối với tác phẩm thơ, học viên cần học thuộc lòng những bài thơ ngắn, và những đoạn trích tiêu biểu trong những bài thơ dài; cần nhận biết đề tài, chủ đề, khuynh hướng tư tưởng, cảm hứng nghệ thuật, tình cảm của nhân vật trữ tình, những giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm hoặc đoạn trích.

PHẦN VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

- Thuốc – Lỗ Tấn

- Ông già và biển cả (trích) – E.Hê-minh-uê

- Số phận con người (trích) – M.Sô-lô-khốp

Học viên cần nắm được tiểu sử, sự nghiệp sáng tác của tác giả; nắm được giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

MÔN LỊCH SỬ

A. YÊU CẦU CHUNG

Kiến thức ôn tập môn Lịch sử bao gồm toàn bộ nội dung chương trình GDTX cấp THPT ban hành kèm theo Quyết định số 50/2006/QĐ-BGDĐT ngày 07/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ yếu là lớp 12.

1. Nội dung ôn tập phải bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình nói trên kết hợp sử dụng hợp lý sách giáo khoa môn Lịch sử 12 (Chương trình chuẩn) của Bộ Giáo dục và Đào tạo, xuất bản năm 2009.

2. Phương pháp ôn tập phải đảm bảo cho học viên nắm được các kiến thức, kỹ năng cơ bản. Cần lưu ý học viên làm bài tập và trả lời được các câu hỏi của sách giáo khoa liên quan đến chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình Lịch sử lớp 12 GDTX.

3. Khi ôn tập, cần chú trọng việc tăng cường rèn luyện cho học viên các kỹ năng mô tả, phân tích, so sánh, đánh giá để rút ra những nguyên nhân, ý nghĩa của các sự kiện lịch sử.

4. Sau mỗi một giai đoạn lịch sử, giáo viên cần củng cố lại những kiến thức, kỹ năng cơ bản của những giai đoạn đó để học viên ghi nhớ và vận dụng.

Khi ôn tập, giáo viên nên quá chú trọng đến việc ghi nhớ chi tiết các sự kiện, hiện tượng lịch sử mà phải nhận thức được bản chất các sự kiện lịch sử, mối liên hệ tác động qua lại giữa các sự kiện.

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000

Chương I - Bối cảnh quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 1949)

Chương II - Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991). Liên bang Nga (1991 - 2000)

Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945- 1991

Liên bang Nga từ 1991- 2000

Chương III - Các nước Á, Phi, Mỹ La-tinh (1945 -2000)

- Các nước Đông Bắc Á

- Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ

- Các nước châu Phi và Mĩ La tinh

Chương IV - Các nước Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản (1945 - 2000)

- Nước Mĩ

- Tây Âu

- Nhật Bản

Chương V - Quan hệ quốc tế (1945 - 2000)

- Quan hệ quốc tế thời kì chiến tranh lạnh và ảnh hưởng của nó.

- Xu thế đối thoại và việc giải quyết những vụ xung đột khu vực.

Chương VI - Cách mạng khoa học - công nghệ và xu thế toàn cầu

- Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ.

- Xu thế toàn cầu hoá và ảnh hưởng của nó.

Tổng kết lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến năm 2000

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 2000

Chương I - Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930

- Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 - 1925.
- Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925- 1930.

Chương II - Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945

- Phong trào cách mạng 1930 - 1931.
- Phong trào dân chủ 1936 - 1939.
- Phong trào giải phóng dân tộc và tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939-1945). Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời.

Chương III - Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954

- Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ sau ngày 2/9/1945 đến trước ngày 19/12/ 1946.
- Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1950).
- Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951 - 1953).
- Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc (1953-1954).

Chương IV - Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975

- Xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954- 1965).
- Nhân dân hai miền trực tiếp đấu tranh chống đế quốc Mĩ xâm lược. Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu, vừa sản xuất (1965-1973).
- Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973- 1975).

Chương V - Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000

- Việt Nam trong những năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước năm 1975.
 - Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ tổ quốc (1976- 1986).
 - Đất nước trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986- 2000).
- Tổng kết lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 2000

MÔN HOÁ HỌC

A. YÊU CẦU CHUNG

Đối với hình thức thi trắc nghiệm, đề thi sẽ gồm nhiều câu, rải rác khắp chương trình, không có trọng tâm, do đó học viên cần phải học toàn bộ nội dung môn học đã được Bộ quy định trong chương trình, tránh “đoán tử”, “học tử”.

Nội dung đề thi chủ yếu thuộc lớp 12, căn cứ vào Chương trình chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông và sách giáo khoa chương trình chuẩn lớp 12 của Bộ. Về mức độ, đề thi phù hợp với đối tượng học viên GDTX (các hợp chất hữu cơ chỉ xét với trường hợp có tối đa 4 nguyên tử cacbon; nhận biết khoảng 3- 4 chất căn cứ vào tính chất lý, hóa học đặc trưng; các bài toán hóa học đơn giản, rõ ràng, không nhiều bước giải, sản phẩm trực tiếp, không qua các phản ứng trung gian).

Vi vậy, giáo viên cần tập trung hướng dẫn học viên ôn tập kỹ các kiến thức cơ bản của chương trình lớp 12, bao gồm các câu hỏi lý thuyết và các bài tập hoá học. Nội dung ôn tập phải bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông và sách giáo khoa chương trình chuẩn lớp 12 của Bộ. Chú ý mức độ quy định của kiến thức, kỹ năng quy định trong Chương trình.

Ngoài ra, để việc ôn tập có hiệu quả, phù hợp với đối tượng học viên, giáo viên cần lưu ý đến mức độ yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình và những điểm khác biệt của SGK mới (tính chính xác, khoa học, khái quát cao về khái niệm, định nghĩa của các hợp chất; bản chất của các hiện tượng hoá học,....).

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

Đối với các câu hỏi lý thuyết, trong quá trình ôn tập (đặc biệt đối với đối tượng thí sinh tự do, học theo chương trình và SGK cũ) cần chú ý đến các điểm khác biệt, mới của chương trình và SGK, cụ thể như sau:

Chương I: Este-Lipit

- Lưu ý tính chính xác, khái quát trong khái niệm este, lipit, chất béo
- Tính chính xác khi gọi tên các phản ứng ("phản ứng este hoá", "phản ứng xà phòng hoá"); gọi tên các chất béo
- Khi viết công thức cấu tạo, chỉ xét đối với các este có tối đa 4 nguyên tử C
- Cách nhận biết, phân biệt este với các hợp chất hữu cơ (dựa vào tính chất vật lý, hoá học đặc trưng)

Chương II: Cacbohidrat

- Khái niệm và phân loại cacbohidrat
- Khái niệm, cấu tạo/cấu trúc phân tử, tính chất lý học, hoá học (những điểm chung, khác biệt/đặc trưng) giữa glucozơ, saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ
- Cách nhận biết, phân biệt glucozơ, saccarozơ, tinh bột, xenlulozơ (dựa vào tính chất vật lý, hoá học đặc trưng)
- Đồng phân fructozơ của glucozơ

Chương III: Amin. Amino axit. Protein

- Chính xác các khái niệm, tên gọi (gốc-chức/hệ thống, thay thế) của amin, amino axit, peptit, protein
- Khi viết công thức cấu tạo, chỉ xét đối với các amin có tối đa 4 nguyên tử C
- Cách nhận biết, phân biệt anilin, amino axit, protein (dựa vào tính chất vật lý, hoá học đặc trưng)
- Bản chất và cách nhận biết, phân biệt được phản ứng trùng ngưng

Chương IV: Polime và vật liệu polime

- Cách nhận biết, phân biệt được phản ứng trùng ngưng, phản ứng trùng hợp (điều kiện tham gia phản ứng của các monome, bản chất phản ứng, sản phẩm phản ứng,...)

- Cách nhận biết, phân biệt các polime (thiên nhiên, nhân tạo/tổng hợp)
- Viết chính xác công thức phân tử/cấu tạo, tên gọi của một số polime đơn giản, thông dụng (PE, PVC, PPE, tơ nilon 6,6, cao su buna...)

Chương V, VI, VII: Đại cương về kim loại. Kim loại kiềm, kiềm thổ, nhôm. Sắt và một số kim loại quan trọng

- Bản chất và ý nghĩa dãy điện hoá của kim loại (phản ứng oxi-hóa xảy ra theo chiều chất oxi hóa - khử mạnh hơn tác dụng với nhau để sinh ra chất oxi hóa - khử yếu hơn. So sánh tính chất những cặp oxi hóa - khử biết mức độ mạnh, yếu của các chất oxi hóa và chất khử).

- So sánh được tính khử giữa các nhóm kim loại (kiềm, kiềm thổ) với nhôm, sắt
- Tính khử của kim loại Cr. Tính oxi hoá (môi trường axit) và tính khử (môi trường bazơ) của ion Cr³⁺. Tính oxi hoá mạnh của ion Cr⁶⁺
- Tính khử yếu của kim loại Cu

Chương VIII, IX: Phân biệt một số chất vô cơ. Hoá học và vấn đề phát triển kinh tế, xã hội, môi trường

- Cách nhận biết, phân biệt các chất vô cơ thuộc chương trình GDTX cấp THPT (lồng ghép vào các chất/hợp chất/ion cụ thể, nằm rải rác trong suốt chương trình) ở mức độ đơn giản (căn cứ vào tính chất lý, hoá học đặc trưng)

- Các kiến thức hành dụng, mang tính thực tiễn hoặc ứng dụng của hoá học vào vấn đề phát triển kinh tế, xã hội và môi trường cũng được lồng ghép trong các chủ đề cụ thể của chương trình. Giáo viên hướng dẫn học viên khai thác và hệ thống khi ôn tập.

Đối với các bài tập hoá học

- Để giải được nhanh và chính xác các bài tập hoá học đơn giản trong các câu hỏi trắc nghiệm, trước tiên, giáo viên cần hướng dẫn học viên hiểu phân bản chất hoá học của bài tập; sau đó luyện phân kỹ năng tính toán nhanh.

- Hướng dẫn học viên sử dụng các định luật, quy luật hoá học như định luật bảo toàn nguyên tố, khối lượng, bảo toàn electron, quy luật tăng giảm khối lượng, dùng phương trình ion thu gọn ... để giải nhanh các bài toán hoá học.

Lưu ý

- Tăng cường thiết kế các đề thi để học viên thi thử (tham khảo đề thi của năm 2008-2009).
- Cấu trúc đề thi năm học 2009-2010 do Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục quy định không thay đổi so với năm học 2008-2009:

Nội dung theo các chủ đề	Số câu trong đề thi
Este, lipit	3
Cacbohidrat	2
Amin, amino axit, protein	4
Polime, vật liệu polime	2
Tổng hợp nội dung kiến thức hoá học hữu cơ	6
Đại cương về kim loại	4
Kim loại kiềm, kim loại kiềm thổ, nhôm; các hợp chất của chúng	7
Sắt, crom, đồng, niken, kẽm, chì, thiếc; các hợp chất của chúng	4
Phân biệt một số chất vô cơ	1
Hoá học và vấn đề phát triển kinh tế, xã hội, môi trường	1
Tổng hợp nội dung kiến thức hoá học vô cơ	6
Tổng	40

MÔN ĐỊA LÍ

A. YÊU CẦU CHUNG

Sau khi học xong chương trình môn Địa lí GDTX cấp THPT, học viên phải đạt được các chuẩn kiến thức và kỹ năng quy định trong Chương trình. Vì vậy, việc tổ chức cho học viên ôn tập phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Nội dung ôn tập phải bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình nói trên với việc sử dụng hợp lý sách giáo khoa môn Địa lí 12 (Chương trình chuẩn) của Bộ Giáo dục và Đào tạo, xuất bản năm 2009.

2. Phương pháp ôn tập phải đảm bảo cho học viên nắm được các kiến thức, kỹ năng cơ bản và phù hợp với phương pháp đánh giá mới đối với kết quả học tập của học viên. Cần lưu ý học viên làm bài tập và trả lời được các câu hỏi của sách giáo khoa liên quan đến chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình Địa lí 12 GDTX.

3. Khi ôn tập cần chú trọng việc tăng cường rèn luyện cho học viên các kỹ năng và tư duy địa lí, cách học, cách làm bài, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến nội dung, kỹ năng địa lí, hạn chế ghi nhớ máy móc. Cần yêu cầu và hướng dẫn học viên lập đề cương ôn tập.

4. Giáo viên cần hướng dẫn cho học viên cách sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam (tái bản chỉnh lí và bổ sung năm 2009) trong học tập và làm bài thi.

5. Các số liệu là cần nhưng không yêu cầu người học nhớ nhiều số liệu. Vấn đề quan trọng là biết cách phân tích các số liệu để tìm ra kiến thức.

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. Địa lí tự nhiên

1. Vị trí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam; ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên, kinh tế – xã hội và quốc phòng.

2. Lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ.

3. Đặc điểm chung của tự nhiên

- Đất nước nhiều đồi núi.

- Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.

- Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

- Thiên nhiên phân hóa đa dạng.

4. Vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên

- Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

- Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai.

II. Địa lí dân cư

1. Đặc điểm dân số và phân bố dân cư nước ta; chiến lược phát triển dân số hợp lý và sử dụng có hiệu quả nguồn lao động của nước ta.

2. Đặc điểm của nguồn lao động; tình hình sử dụng lao động và vấn đề việc làm.

3. Đặc điểm đô thị hoá; mạng lưới đô thị ở nước ta; ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế - xã hội.

III. Địa lí các ngành kinh tế.

1. Ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế đối với sự phát triển kinh tế của nước ta. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ.

2. Đặc điểm nền nông nghiệp; cơ cấu ngành nông nghiệp; tổ chức lãnh thổ ngành nông nghiệp; vấn đề phát triển và phân bố ngành thủy sản và lâm nghiệp ở nước ta.

3. Cơ cấu ngành công nghiệp và vấn đề phát triển một số ngành công nghiệp trọng điểm; tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở nước ta.

4. Vấn đề phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải; thông tin liên lạc; thương mại và du lịch ở nước ta.

IV. Các vấn đề phát triển kinh tế – xã hội ở các vùng.

1. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du miền núi phía Bắc.
2. Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng.
3. Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Trung Bộ.
4. Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ.
5. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên.
6. Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ.
7. Vấn đề sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long.
8. Vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo.
9. Các vùng kinh tế trọng điểm.

V. Địa lí địa phương

1. Tìm hiểu địa lí tỉnh, thành phố.

C. NHỮNG KỸ NĂNG CẦN PHẢI CÓ

1. Kỹ năng về bản đồ: đọc bản đồ ở Atlas Địa lí Việt Nam. Yêu cầu sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam tái bản chỉnh lí và bổ sung do Nhà xuất bản Giáo dục phát hành tháng 9/2009.
2. Kỹ năng về biểu đồ: vẽ, nhận xét và giải thích; đọc biểu đồ cho trước.
3. Kỹ năng về bảng số liệu: đọc bảng số liệu, tính toán, nhận xét.

MÔN VẬT LÝ

A. YÊU CẦU CHUNG:

Đề thi tốt nghiệp Bổ túc trung học phổ thông năm học 2009-2010 được ra theo hình thức trắc nghiệm. Về cấu trúc, đề thi chỉ có phần chung dành cho tất cả thí sinh, không có phần riêng. Nội dung thi chủ yếu nằm trong Chương trình lớp 12 giáo dục thường xuyên cấp THPT ban hành kèm theo Quyết định số 50/2006/QĐ-BGDĐT ngày 07/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Vì vậy, nội dung ôn tập phải được bám sát mức độ cần đạt về kiến thức và kỹ năng quy định trong Chương trình trên cơ sở sử dụng sách giáo khoa Vật lý 12 (chương trình chuẩn), NXB Giáo dục, năm 2009.

Giáo viên căn cứ vào hướng dẫn trên để tổ chức ôn tập, thiết kế các đề kiểm tra và hướng dẫn cách tìm lời giải nhằm giúp học viên có được kỹ năng làm bài theo hình thức thi trắc nghiệm.

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

PHẦN I. LÝ THUYẾT

Học viên phải hiểu, nhớ và biết vận dụng kiến thức lý thuyết để trả lời được các câu hỏi và giải được các bài toán trắc nghiệm liên quan tới những vấn đề sau:

I. Dao động cơ

1. Dao động điều hoà : định nghĩa, li độ, biên độ, chu kì, tần số, tần số góc, pha, pha ban đầu; sự biến đổi năng lượng của dao động điều hoà; ...

2. Con lắc lò xo : phương trình động lực học, phương trình dao động điều hoà; công thức tính chu kì, tần số, cơ năng của vật dao động điều hoà.

3. Con lắc đơn : phương trình động lực học, phương trình dao động điều hoà; công thức tính chu kì, tần số; ứng dụng của con lắc đơn trong việc xác định gia tốc rơi tự do.

4. Phương pháp giản đồ Fre-nen - Tổng hợp hai dao động điều hoà cùng phương và cùng tần số : công thức tính biên độ của dao động tổng hợp, công thức tính pha ban đầu của dao động tổng hợp.

5. Dao động tắt dần, dao động cưỡng bức, dao động duy trì (nhận biết và đặc điểm). Hiện tượng cộng hưởng là gì, điều kiện có cộng hưởng, ứng dụng;...

II. Sóng cơ

1. Sóng cơ, sóng ngang, sóng dọc (khái niệm, môi trường truyền sóng).

2. Tốc độ truyền sóng, bước sóng, tần số sóng, biên độ sóng, năng lượng sóng (nêu định nghĩa, biểu thức). Phương trình sóng.

3. Sự giao thoa của hai sóng cơ : điều kiện để có giao thoa; cách xác định khoảng vân, số vân, loại vân giao thoa.

4. Hiện tượng sóng dừng trên một sợi dây đàn hồi: điều kiện để có sóng dừng; cách xác định bước sóng, bụng sóng, nút sóng, số bó sóng.

5. Sóng âm (âm thanh, siêu âm, hạ âm), tốc độ truyền âm. Các đặc trưng vật lý và đặc trưng sinh lý của sóng âm. Cộng hưởng âm.

III. Dòng điện xoay chiều

1. Dòng điện xoay chiều : cường độ dòng điện và điện áp tức thời. Các giá trị hiệu dụng của dòng điện xoay chiều (cường độ dòng điện, điện áp).

2. Mạch điện xoay chiều có R,L,C mắc nối tiếp (cách xác định dung kháng, cảm kháng, tổng trở của mạch điện; công thức của định luật Ôm). Cộng hưởng điện (hiện tượng, điều kiện để trong mạch có cộng hưởng điện, đặc điểm của đoạn mạch có R,L,C mắc nối tiếp khi xảy ra hiện tượng cộng hưởng điện).

3. Biểu thức tính công suất điện, hệ số công suất của đoạn mạch điện xoay chiều có R,L,C mắc nối tiếp; lí do phải tăng hệ số công suất ở nơi tiêu thụ.

4. Máy biến áp. Máy phát điện xoay chiều. Động cơ không đồng bộ ba pha.

5. Cách khảo sát một đoạn mạch xoay chiều có R,L,C mắc nối tiếp.

IV. Dao động điện từ. Sóng điện từ

1. Dao động điện từ trong mạch dao động LC : điều kiện để mạch dao động, vai trò của tụ điện và cuộn cảm trong hoạt động của mạch dao động; công thức tính chu kỳ, tần số dao động riêng của mạch dao động LC; năng lượng điện từ của mạch dao động LC; ...

2. Điện từ trường là gì, mối quan hệ giữa điện trường và từ trường, điện từ trường và thuyết điện từ Mắc-Xoen.

3. Sóng điện từ là gì, tính chất, đặc điểm của sóng điện từ; sự truyền sóng vô tuyến trong khí quyển; ứng dụng của sóng vô tuyến điện trong thông tin liên lạc.

4. Sơ đồ nguyên tắc của máy phát và máy thu sóng vô tuyến điện.

V. Sóng ánh sáng

1. Hiện tượng tán sắc ánh sáng qua lăng kính : nguyên nhân, ứng dụng trong thực tế; ánh sáng đơn sắc. Sơ lược về hiện tượng nhiễu xạ ánh sáng.

2. Giao thoa ánh sáng : hiện tượng giao thoa, điều kiện để có giao thoa; cách xác định hiệu đường đi, vị trí vân sáng, vân tối; khoảng vân, vân sáng trung tâm, công thức tính khoảng vân và ứng dụng đo bước sóng của ánh sáng; liên quan giữa bước sóng và màu sắc ánh sáng.

3. Các loại quang phổ : mỗi loại quang phổ, nêu được định nghĩa, nguồn phát xạ, đặc điểm.

4. Tia hồng ngoại và tia tử ngoại : đối với mỗi loại, nêu được định nghĩa, bản chất, nguồn gốc, tính chất, công dụng; tính chất chung của tia hồng ngoại và tia tử ngoại.

5. Tia X : cách tạo ra tia X, bản chất, tính chất và công dụng của tia X; kể tên của các vùng sóng điện từ kế tiếp nhau trong thang sóng điện từ theo bước sóng.

VI. Lượng tử ánh sáng

1. Hiện tượng quang điện ngoài là gì, định nghĩa về giới hạn quang điện, định luật về giới hạn quang điện.

2. Nội dung cơ bản của Thuyết lượng tử ánh sáng; giải thích định luật về giới hạn quang điện bằng Thuyết lượng tử ánh sáng; công thức giới hạn quang điện; lưỡng tính sóng - hạt của ánh sáng.

3. Hiện tượng quang điện trong là gì, chất quang dẫn và hiện tượng quang điện trong; quang điện trở và pin quang điện. Sự tạo thành quang phổ phát xạ và hấp thụ của nguyên tử hiđrô.

4. Hiện tượng quang - phát quang : huỳnh quang và lân quang; đặc điểm của ánh sáng huỳnh quang.

5. Laze là gì, một số ứng dụng của laze.

VII. Hạt nhân nguyên tử. Phản ứng hạt nhân

1. Cấu tạo của hạt nhân; hệ thức Anh - xtanh giữa khối lượng và năng lượng.

2. Lực hạt nhân, các đặc điểm của lực hạt nhân; độ hụt khối, năng lượng liên kết hạt nhân; ...

3. Hiện tượng phóng xạ, hệ thức của định luật phóng xạ, thành phần và bản chất của các tia phóng xạ, một số ứng dụng của đồng vị phóng xạ, ...

4. Phản ứng hạt nhân là gì, các định luật bảo toàn số khối, điện tích, động lượng và năng lượng toàn phần trong phản ứng hạt nhân;

5. Phản ứng phân hạch là gì; phản ứng dây chuyền (định nghĩa và điều kiện để phản ứng xảy ra); phản ứng nhiệt hạch (định nghĩa và điều kiện để phản ứng kết hợp hạt nhân xảy ra).

PHẦN II. BÀI TẬP

Nội dung ôn tập phần bài tập bao gồm tất cả các bài tập có nội dung thuộc Chương trình lớp 12 giáo dục thường xuyên cấp THPT, môn Vật lý hiện hành.

Nội dung phần bài tập gồm các loại bài tập trắc nghiệm lý thuyết (định tính) và bài toán (định lượng). Những bài tập mang tính định lượng đòi hỏi học viên phải vận dụng kiến thức đã học để giải thông qua các công thức vật lý và các phép toán trung gian.